

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS- ST

Ngày: 18/07/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Mạnh Thìn  
2. Bà Trần Thị Dần

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18/07/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST- DS, ngày 03 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-DS ngày 01/06/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Á

Địa chỉ trụ sở: D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – Giám đốc xử lý nợ (Theo văn bản uỷ quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022)

Người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Thùy L – Nhân viên xử lý nợ (Theo văn bản uỷ quyền số 2098/UQ-CNTL.23 ngày 19/06/2023)

Địa chỉ liên hệ: Số A P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội

**- Bị đơn:** Anh Hà Đình C – sinh năm: 1993

Địa chỉ: Đ Nông trường T, xã T, huyện T, Thanh Hóa

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP Á trình bày: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Hà Đình C, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản của ông Hà Đình C ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng, A đồng ý cấp tín dụng cho ông Hà Đình C như sau:

- Số thẻ tín dụng: 4791 39\*\* \*\*\*\* 0293
- Ngày cấp: 25/12/2019
- Loại thẻ: Visa Gold (Thẻ tín dụng quốc tế)
- Hạn mức thẻ: 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng
- Hiệu lực thẻ: Tháng 12/2022
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Hà Đình C đã không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 10/12/2020, A đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn.

Tính đến ngày 16/12/2021, ông C còn nợ ngân hàng tổng số tiền thẻ tín dụng là: 43.442.504 đồng, trong đó dư nợ gốc là 31.535.609 đồng (dư nợ gốc tính lãi quá hạn là: 26.929.496 đồng, dư nợ gốc không tính lãi quá hạn là: 4.606.113 đồng); lãi quá hạn là 11.906.895 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giải quyết, buộc: Ông Hà Đình C trả ngay cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 16/12/2021 là: 43.442.504 đồng, trong đó dư nợ gốc là 31.535.609 đồng (dư nợ gốc tính lãi quá hạn là: 26.929.496 đồng, dư nợ gốc không tính lãi quá hạn là: 4.606.113 đồng); lãi quá hạn là 11.906.895 đồng. Ông Hà Đình C còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, tính kể từ ngày 17/12/2021 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ: Vốn gốc, lãi quá hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C nhưng không thể tổng đạt các văn bản cho anh C do anh C đã rời khỏi địa phương. Qua xác minh tại địa phương Tòa án được biết anh C không có mặt tại nơi cư trú, việc anh C đã đi đâu, làm gì Chính quyền địa phương không được báo cáo nên không xác định được địa chỉ cư trú mới của anh C. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật để anh C thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, anh C vẫn không có mặt để trình bày ý kiến, đồng thời vắng mặt không có lý do tại các phiên họp nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của anh C và Tòa án cũng không tiến hành hoà giải được vì sự vắng mặt của anh C.

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn trình bày: Do anh Hà Đình C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc: Anh Hà Đình C trả ngay cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 18/07/2023 số tiền là: 62.024.963 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi tư nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) trong đó: vốn gốc 31.535.609 đồng, lãi quá hạn 30.489.354 đồng. Anh Hà Đình C còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, tính kể từ ngày 19/07/2023 đến ngày trả hết nợ. Anh Hà Đình C phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc anh C rời khỏi địa phương không thông báo cho chính quyền địa phương và phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ nên việc Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á. Buộc anh Hà Đình C phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Á1 và anh Hà Đình C đang tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” do anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là B) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Hà Đình C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Nông Trường T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Anh Hà Đ đã rời khỏi địa phương đến nay không rõ địa chỉ cư trú. Việc anh C thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Chính quyền địa phương cũng như không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với phía nguyên đơn. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, Điều 6 nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án giải quyết theo quy định chung. Qua xác minh tại đại phương xác định anh C đã đi khỏi nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không xác định được địa chỉ cư trú mới ở đâu nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C đều vắng mặt tại các phiên họp nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh C và đã niêm yết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh C được biết theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ anh C lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Á, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng vay tài sản có giá trị pháp lý và bắt buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng.

[3] Về nội dung các hợp đồng: Nội dung của các hợp đồng thể hiện rõ về sự thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay và lãi suất. Ngân hàng đã giao đủ tiền cho phía anh C. Trong thời hạn vay anh C đã để nợ quá hạn kéo dài đến nay không thanh toán tiền gốc và tiền lãi, nên anh C đã vi phạm nghĩa vụ như thỏa thuận trong các hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh C phải trả cho Ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 18/07/2023 số tiền là: 62.024.963 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi tư nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) trong đó: Dư nợ gốc 31.535.609 đồng, tiền lãi quá hạn 30.489.354 đồng. Anh Hà Đình C còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, tính kể từ ngày 19/07/2023 đến ngày trả hết nợ. Xét thấy nội dung của hợp đồng trên là tự nguyện, không trái pháp luật, mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng không vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng đến nay Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào của anh C. Vì vậy, xét thấy nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 275, 280, khoản 1 Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á.

2. Buộc anh Hà Đình C phải trả cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền tính đến ngày 18/07/2023 là: 62.024.963 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi tư nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) trong đó: Tiền nợ gốc là 31.535.609 đồng, tiền nợ lãi là 30.489.354 đồng.

Anh Hà Đình C còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, tính kể từ ngày 19/07/2023 đến ngày trả hết nợ.

3. Về án phí: Anh Hà Đình C phải chịu 3.101.000đ (Ba triệu một trăm linh một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0062883 ngày 04/10/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Hải**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Dần Nguyễn Mạnh Thìn**

**Bùi Văn Hải**